UBND TỈNH LAI CHÂU **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-STC	*Lai Châu, ngày tháng năm 2024*

(DỰ THẢO)

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26//12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; căn cứ chức năng, nhiệm vụ Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Quyết định Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

- Theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công quy định:*"6. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia vào các mục đích được quy định tại khoản 5 Điều này;".*

- Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của UBND tỉnh Lai Châu, ban hành trên căn cứ Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản nhà nước ngày

03/6/2008; Nghị định của Chính phủ: Số 14/1998/NĐ-CP ngày 03/3/1998 về quản lý tài sản nhà nước; số 52/2009/NĐ-CP ngày 06/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/2/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; số 66/2012/NĐ-CP ngày 06/9/2012 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 06/6/2009 của Chính phủ; số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính; số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 hướng dẫn việc quản lý, khai thác phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Hiện nay, các căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công. Đồng thời, Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước đã được Bộ Tài chính thay thế bằng Phần mềm Quản lý tài sản công.

2. Về căn cứ thực tiễn

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, đã tạo khuôn khổ pháp lý cho công tác quản lý, sử dụng tài sản công trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, công tác phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên, vẫn còn còn tồn tại trong công tác phối hợp: công tác theo dõi tổng hợp báo cáo, công tác hạch toán vào sổ sách kế toán tài sản được đầu tư mua sắm, việc nhập số liệu tài sản ban đầu, tải sản sửa chữa nâng cấp, lập, xác nhận báo cáo kê khai, cung cấp thông tin để kiểm tra đối chiếu..., của các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kịp thời.

Từ tình hình thực tế trên, năm 2022 Sở Tài chính đã đề nghị Bộ Tài chính cấp mới, duyệt tài khoản sử dụng trên hệ thống Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công cấp miễn phí cho 50 đơn vị trên địa bàn tỉnh, cơ bản các các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp và sử dụng trên hệ thống Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu; thời gian tổ chức thực hiện kiểm kê từ ngày 01/01/2025; do vậy, việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, phối hợp kiểm tra, đối chiếu và sử dụng thông tin trong Phần mềm quản lý tài sản công là hết sức quan trọng

Từ các quy định nêu trên, UBND tỉnh quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của UBND tỉnh là cần thiết và đúng quy định tại Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Đảm bảo việc phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công chặt chẽ, kịp thời, chính xác.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin về tài sản công. Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc phối hợp cung cấp thông tin và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 9 Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc công bố kết quả hệ

thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu trong kỳ hệ thống hóa năm 2019-2023. Sở Tài chính xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu xin ý kiến các sở, ngành đoàn thể tỉnh và các huyện, thành phố. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Sở Tài chính đã rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định. Theo đó, ngày ...../.../2024 Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BC-STP, Sở Tài chính đã rà soát để chỉnh sửa một số nội dung và hoàn thiện dự thảo quyết định của UBND tỉnh

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Quyết định và Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu:

- Dự thảo Quyết định Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu: Gồm có 03 Điều.

- Dự thảo Quy chế quy định việc phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu: Gồm 03 chương, 9 Điều.

Nội dung cơ bản của dự thảo quyết định

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, các doanh nghiệp

nhà nước và các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác (sau đây gọi tắt là các cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu được giao trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp cung cấp thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, chính xác số liệu của toàn tỉnh, từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện kê khai, đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Phối hợp trong công tác lập, xác nhận báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Báo cáo kê khai tài sản công áp dụng đối với các loại tài sản sau đây

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp); xe ô tô; tài sản cố định khác;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng;

c) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

d) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

2. Báo cáo tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Báo cáo kê khai tài sản công;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản.

3. Nội dung báo cáo kê khai tài sản công

a) Báo cáo kê khai tài sản công phải ghi đúng và đầy đủ thông tin theo mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công.

b) Cơ quan tiếp nhận và quản lý báo cáo kê khai tài sản công được phép từ chối và yêu cầu báo cáo lại nếu phát hiện báo cáo kê khai không ghi đúng và đầy đủ thông tin.

4. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản; gửi 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đến cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện); lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hồ sơ báo cáo kê khai gồm:

Báo cáo kê khai (lần đầu hoặc bổ sung) theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản báo cáo kê khai: 01 bản sao.

b) Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện: Xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; Gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính. Lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan quản lý cấp trê, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Các đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Đối với các tài sản không thuộc phạm vi duyệt dữ liệu của Sở Tài chính tại điểm d khoản 4 Điều này, mọi thông tin về tài sản nhập liệu là dữ liệu chính thức, không phải thực hiện duyệt dữ liệu đối với các tài sản này.

d) Sở Tài chính thực hiện duyệt dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đối với tài sản là đất, nhà, xe ô tô hoặc tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản tại Quyết định tịch thu hoặc Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại khoản 2 Điều này không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công bị xử lý theo quy định.

4. Phối hợp trong công tác lập dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công

4.1. Đối với việc lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

4.2. Đối với việc lập dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê,

khoán kinh phí sử dụng tài sản công, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công phải căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.3. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải báo cáo điều chỉnh số liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) và Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

5. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công

5.1. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm đăng ký, kê khai tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để theo dõi. Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các chỉ tiêu quản lý về tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) và Sở Tài chính để thực hiện đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

5.2. Trường hợp tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì nguyên giá tài sản trong báo cáo kê khai tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Giá trị đề nghị quyết toán;

b) Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;

c) Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa giá trị trên Cơ sở dữ liệu với giá trị quyết toán, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan quản lý

cấp trên (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện), Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

5.3. Đơn vi chủ đầu tư bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản công đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị sử dụng để theo dõi, quản lý, sử dụng theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

6. Quy định về sử dụng thông tin tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công ở cấp nào được phép sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp đó; sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 129 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

7.1. Sở Tài chính

a) Cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công trong Phần mềm;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập báo cáo kê khai, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định của pháp luật.

7.2. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện cập nhật, chuẩn hóa thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử

dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính và Sở Tài chính (nếu có) đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong Phần mềm.

7.3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

a) Báo cáo kê khai tài sản công theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Tài chính (đối với đơn vị dự toán cấp I) đối với trường hợp kê khai lần đầu hoặc kê khai bổ sung;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

V. VỀ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

1. Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu giao cho UBND tỉnh giao quyết định, quy định cụ thể để các cơ quan chức năng thuộc địa phương thuận lợi tổ chức thực hiện.

2. Về thủ tục hành chính: Tại dự thảo các quyết dịnh này quy định không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

3. Nguồn lực, tài chính đảm bảo thi hành quyết định là đội ngũ cán bộ, công chức, của cơ quan chức năng thuộc các sở, ban, ngành tỉnh UBND các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công, kinh phí chi từ nguồn ngân sách nhà nước chi lương, làm thêm giờ theo chế độ quy định. Quyết định sau khi ban hành không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trịnh tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả…

VI. VỀ Ý KIẾN CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

1. Sở Tài chính đã có Công văn số ... đề xuất gửi các sở ngành đoàn thể tỉnh, các huyện, thành phố; công văn xin ý kiến vào dự thảo Tờ trình, Quyết định của UBND tỉnh (công văn số...)

Sở Tài chính đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các sở, ngành và UBND các huyện thành phố (có báo cáo riêng);

2. Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã có Công văn số ... gửi Sở Tư pháp thẩm định...

3. Đến nay, đã đủ thời gian đăng tải trên công thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Tài chính theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đã có văn bản thẩm định gửi Sở Tài chính, Sở Tài chính đã cập nhật Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quyết định Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Tài liệu gửi kèm:

(1) Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

(2) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo Quyết định của UBND tỉnh;

(3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GCS&TCDN.

GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Anh